

Số: /KH-NTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II**  
**Năm học 2023 – 2024**

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ thông tư 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học,

Căn cứ Quyết định số 2171/QĐ-BGDĐT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 3819/BGDĐT-GDTH ngày 31/7/2023 của Bộ GDĐT về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4457/SGDDĐT-GDTH ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Thực hiện kế hoạch năm học 2023– 2024, trường Ngô Thời Nhiệm xây dựng Kế hoạch tổ chức kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II năm học 2023 – 2024 cho khối Tiểu học như sau:

**I. MỤC ĐÍCH**

1. Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng khách quan.

2. Đảm bảo đánh giá đúng chất lượng học tập của học sinh, góp phần tạo chuyển biến cơ bản về tổ chức hoạt động dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường; đồng thời giúp học sinh rèn kỹ năng làm bài kiểm tra.

3. Tăng cường công tác quản lý, hình thành quy trình kiểm tra đánh giá, nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện nề nếp, kỷ cương dạy học, thực hiện quy chế

chuyên môn đáp ứng những yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

## **II. YÊU CẦU**

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh Tiểu học (được ban hành kèm Thông tư 22/2016/ TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với lớp 1,2,3 theo thông tư số 27/2020/TT- BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Kiểm tra định kì cuối năm học là một trong những điều kiện để xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học. Đồng thời chuẩn bị cho hoạt động bàn giao, nghiệm thu chất lượng dạy học giữa các khối lớp trong trường tiểu học và giữa trường tiểu học với trường trung học cơ sở.

3. Việc tổ chức kiểm tra định kì cuối năm học phải được thực hiện nghiêm túc, nhẹ nhàng, thân thiện, công bằng, khách quan. Tuyệt đối không được nhắc bài, giảng bài trong khi coi kiểm tra và tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh.

4. Giáo viên cần có kế hoạch ôn tập cho học sinh, phụ đạo cho những học sinh tiếp thu kiến thức còn chậm và gặp khó khăn trong học tập, không giao bài tập về nhà cho học sinh, không soạn đề mẫu, đề cương bắt học sinh làm, không tổ chức học thuộc lòng bài mẫu. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh cách tự học, ôn tập.

5. Kiểm tra định kì cuối học kỳ II theo hướng kiểm tra kiến thức cơ bản, năng lực vận dụng kiến thức của học sinh, phù hợp với nội dung chương trình, thời gian quy định; đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục hiện nay. Tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II phải được tiến hành nghiêm túc để đánh giá đúng công tác tổ chức dạy và học của nhà trường.

6. Thông báo lịch kiểm tra đến cha mẹ học sinh (CMHS) để CMHS cùng nhà trường chăm lo sức khỏe và nhắc nhở học sinh học tập thật tốt. Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực, tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho giáo viên, học sinh và gia đình học sinh.

7. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo việc kiểm tra đánh giá định kì cuối năm học.

## **III. NỘI DUNG**

### **1. Công tác chuẩn bị:**

Họp Ban Lãnh đạo để lập kế hoạch phân công tổ chức thực hiện. Trong đó phân công cụ thể việc quản lý kì kiểm tra theo từng nhóm công tác như sau:

- Thành lập Hội đồng kiểm tra định kì cuối học kì II.
- Việc ra đề kiểm tra, soạn đề lên hệ thống đề kiểm tra và bảo mật đề.
- Thông báo đến phụ huynh, học sinh lịch kiểm tra.
- Tổ chức coi và chấm kiểm tra.
- Tổ chức giám sát kì kiểm tra.
- Thống kê kết quả và đánh giá chất lượng.

## **2. Thành lập Hội đồng kiểm tra:**

Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra định kì cuối học kì II năm học 2023 - 2024 bao gồm Ban lãnh đạo, ban soạn đề kiểm tra, giáo viên coi kiểm tra, giáo viên chấm kiểm tra, kiểm tra giám sát, cán bộ nhân viên phục vụ kỳ kiểm tra (văn bản đính kèm).

## **3. Đề kiểm tra:**

Tổ chuyên môn xây dựng ma trận đề chung của tổ và triển khai đến giáo viên. Dựa trên ma trận chung của tổ, mỗi giáo viên soạn 1 bộ đề và nộp về cho tổ chuyên môn.

Tổ chuyên môn chọn lọc và nộp cho ban lãnh đạo 3 bộ đề. Ban lãnh đạo sẽ duyệt đề và chọn lọc lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho toàn khối.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm duyệt ma trận và duyệt đề kiểm tra.

Thời gian nộp đề cho Ban lãnh đạo: trước 25/4/2024

Thực hiện soạn đề theo ma trận đã thống nhất được Hiệu trưởng phê duyệt. Tất cả các đề kiểm tra phải có đáp án kèm theo và bảo mật đề kiểm tra trong cả quá trình từ duyệt và sao in đề.

Việc ra đề kiểm tra phải đảm bảo được những yêu cầu sau: chính xác, khoa học, bao quát kiến thức cơ bản và đánh giá thực chất được kết quả học tập của học sinh, đảm bảo theo sát theo chuẩn kiến thức kỹ năng của từng khối lớp, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bổ tương đối như sau:

- *Đối với học sinh lớp 1, lớp 2 lớp 3 và lớp 4 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018).*

Hướng dẫn bài kiểm tra định kì được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành CTGDPT 2018, tài liệu tập huấn giảng dạy chương trình, SGK mới và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 về Quyết định điều chỉnh phụ lục 1 và phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 27/2022/TT-BGDĐT.

Đối với môn Tiếng Anh lớp 1, lớp 2: Thực hiện theo Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GD&ĐT, trong đó lưu ý xây dựng nhiệm vụ đánh giá nhẹ nhàng, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi, không tạo tâm lý căng thẳng cho học sinh và chủ yếu tập trung vào kỹ năng nghe và nói.

- *Đối với học sinh lớp 5*

Hướng dẫn bài kiểm tra định kì được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Đề kiểm tra đảm bảo các mức độ:**

#### **\* Đối với lớp 1,2,3,4**

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập 50%.

- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự 30%.

- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống 20%.

**\* Đối với lớp 5**

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại kiến thức, kỹ năng đã học 40%.

- Mức 2: Hiểu biết kiến thức, kỹ năng học, trình bày giải thích được kiến thức theo cách hiểu cá nhân 30%.

- Mức 3: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc tương tự trong học tập, cuộc sống 20%.

- Mức 4: Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt 10%.

- Đề ra chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh.

Ra đề kiểm tra cần bám sát những quy định tại của Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 và TT27/2020/TT-BGDĐT.

**Cụ thể đối với từng môn cần lưu ý:**

**a. Môn Toán**

- Thời gian làm bài: Lớp 1,2, 3,4,5: 35 phút

- Hình thức: trắc nghiệm 3 điểm, tự luận 7 điểm

- Đối với các mạch kiến thức:

• Số học (khoảng 70% -75%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.

• Hình học và đo lường (khoảng 15% - 20%): tập trung về các bảng đơn vị đo, cách tính chu vi diện tích, nhận dạng hình học.

• Thống kê - xác suất, hoạt động trải nghiệm (khoảng 10%) xoay quanh các nội dung trọng tâm chương trình đã học

• Giải toán có lời văn được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Lưu ý:

+ Lớp 1 : Đọc bài toán điền số, điền từ và phép tính...

+ Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính.

+ Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính

+ Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính

+ Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính

**b. Môn Tiếng Việt**

- Thời gian kiểm tra các kỹ năng như sau: Đọc hiểu và làm bài tập: 30 phút; học sinh viết chính tả trong thời gian: 15 phút; tập làm văn: 35 phút (đối với lớp 2,3,5). Lớp 4 và lớp 1 kiểm tra viết trong thời gian từ 35 phút. Đọc thành tiếng mỗi em đọc 01 bài tập đọc đã học và trả lời 01 câu hỏi thời gian từ 1 đến 1,5 phút.

- Nội dung đề thi được xây dựng theo ma trận đã hướng dẫn, yêu cầu đảm bảo mức độ chuẩn kiến thức, kỹ năng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung kiểm tra theo từng khối lớp (dạng bài đọc thầm, đọc thành tiếng, chính tả, tập làm văn, số lượng câu hỏi theo từng phần).

Trong đó:

**\* Lớp 1:**

+ Đọc: Đọc tiếng: 6,0 điểm: Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 55-60 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ; Đọc hiểu: 4 điểm (1 đoạn văn ngắn ngoài sách giáo khoa: đoạn văn khoảng 120-130 chữ, thơ hoặc văn bản thông tin khoảng 65-70 chữ và trả lời các câu hỏi liên quan nội dung bài đọc)

+ Viết: Phần viết: 10 điểm gồm: Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 35 chữ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép) hoặc nghe – viết. Tốc độ viết khoảng 30 – 35 chữ trong 15 phút ( 6 điểm) ; Làm Bài tập Tiếng Việt (4 điểm)

**\* Lớp 2:**

+ Đọc tiếng: 4 điểm (HS đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ 65-70 tiếng/ 1 phút: Đọc đúng tiếng: 1 điểm; Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, giữa các cụm từ: 1 điểm; Tốc độ: 0,5 điểm; tư thế đọc, cách cầm sách 0,5 điểm. Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm).

+ Đọc hiểu: 6 điểm (Hiểu văn bản: 2 điểm; kiến thức LTVC: 4 điểm) Độ dài của văn bản: truyện khoảng 190 – 200 chữ, bài miêu tả khoảng 170 –180 chữ, thơ khoảng 80 – 90 chữ, Độ dài của văn bản: khoảng 130 – 140 chữ

+ Viết chính tả: 4 điểm Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.

+ Tập làm văn: 6 điểm( dựa vào gợi ý viết đoạn văn khoảng 4-5 câu)

**\* Lớp 3:**

+ Đọc tiếng: 4 điểm (HS đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ 75-80 tiếng/ 1 phút: Đọc đúng tiếng: 1 điểm; Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, giữa các cụm từ: 1 điểm; Tốc độ: 0,5 điểm; tư thế đọc, cách cầm sách 0,5 điểm; Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm).

+ Đọc hiểu: 6 điểm (Hiểu văn bản: 2,0 điểm; kiến thức LTVC: 4,0 điểm). Độ dài của văn bản: truyện khoảng 230– 250 chữ, bài miêu tả khoảng 190 – 200 chữ, thơ khoảng 90 – 100 chữ. Văn bản thông tin – Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc – Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn Độ dài của văn bản: khoảng 140 – 150 chữ.

+ Viết chính tả: (4 điểm) Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút. – Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.

+ Tập làm văn: (6 điểm) Viết được đoạn văn hoặc thông báo khoảng 7-8 câu theo yêu cầu.

**\* Lớp 4:**

+ Đọc tiếng: 2 điểm (HS đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ 85-90 tiếng/ 1 phút: Đọc đúng tiếng, từ, ngắt nghỉ: 0,5 điểm; Đọc to, rõ ràng, tốc độ: 0,5 điểm; Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm.

+ Đọc hiểu: 8 điểm (Hiểu văn bản: 5 điểm gồm 4 câu trắc nghiệm, 3 câu tự luận; kiến thức LTVC: 3 điểm gồm 2 câu trắc nghiệm, 2 câu tự luận). Độ dài của văn bản: truyện, kịch bản khoảng 315 – 330 chữ, bài miêu tả khoảng 235 – 250 chữ, thơ khoảng 115– 120 chữ. Văn bản thông tin – Văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm – Giấy mời – Thư thăm hỏi, thư cảm ơn, thư xin lỗi – Đơn (xin nghỉ học, xin nhập học) – Báo cáo công việc Độ dài của văn bản: khoảng 170 – 180 chữ

+ Tập làm văn: 10 điểm (viết được một bài văn khoảng 15 -17 câu)

**\* Lớp 5:**

+ Đọc tiếng: 5 điểm (HS đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ 120 tiếng/ 1 phút: Đọc đúng tiếng, từ, ngắt nghỉ: 1 điểm; Đọc to, rõ ràng, tốc độ: 1 điểm; Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm; Diễn cảm 1 điểm).

+ Đọc hiểu: 5 điểm (Hiểu văn bản: 4,0 điểm; kiến thức LTVC: 3,0 điểm).

+ Viết chính tả: 5 điểm (Nghe - viết khoảng 100 -105 chữ /15 phút).

+ Tập làm văn: 5 điểm (Viết được một bài văn khoảng 20 - 22 câu)

**c. Môn Khoa học, Lịch sử - Địa lý**

\* Khoa học: Trắc nghiệm: 60%, tự luận 40%.

\* Sử - Địa: Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

\* Thời gian làm bài: 35 phút

+ Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng - Sai, điền khuyết - viết tiếp, đối chiếu cặp đôi,...)

+ Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi.

**d. Môn công nghệ**

- Đối với lớp 3, 4: Học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%). Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm);

+ Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm).

Kết quả bài kiểm tra định kì được chọn như một trong nhiều yếu tố để tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục. Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kì về môn học, hoạt động giáo dục để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục cho học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

**đ. Môn Tin học**

Giáo viên tin học ra đề kiểm tra, mỗi khối chuẩn bị hai đề kiểm tra và cho tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên một trong hai đề kiểm tra này.

- Đối với lớp 1, 2: Học sinh được đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, tuy nhiên kết quả đánh giá chỉ nhằm mục đích ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, không sử dụng để đánh giá kết quả giáo dục cuối kì của học sinh.

- Đối với lớp 3, 4: Học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%).

Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm);

+ Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy tính (tỉ lệ 50% số điểm).

Kết quả bài kiểm tra định kì được chọn như một trong nhiều yếu tố để tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục. Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kì về môn học, hoạt động giáo dục để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục cho học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

- Đối với lớp 5: Học sinh được đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT. Học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với bốn mức độ (Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%). Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm);

+ Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy tính (tỉ lệ 50% số điểm).

Kết quả bài kiểm tra định kì được chọn như một trong nhiều yếu tố để tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục.

#### **e. Môn Tiếng Anh**

+ Bài KTĐK Tiếng Anh lớp 3,4,5: Cấu trúc bài kiểm tra theo định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho học sinh tiểu học ban hành theo Quyết định 1479/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2016) gồm 04 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Mỗi kỹ năng được phân bố đều bằng 25% điểm số của toàn bài. Kiểm tra kỹ năng nói được thực hiện trước khi kiểm tra kỹ năng nghe, đọc và viết (bố trí buổi riêng).

+ Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học. Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kì đối với môn Ngoại ngữ 1 ở khối lớp 3, 4 và 5; đối với khối lớp 1 và 2 chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh.

+ Về hình thức:

Kiểm tra 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

- Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.

- Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

**\* Hình thức đề kiểm tra**

**Đề kiểm tra (viết) có hình thức sau: Đề kiểm tra kết hợp cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.**

- Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lý các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

- Có thể soạn đề kiểm tra kết hợp hai hình thức: phần trắc nghiệm khách quan độc lập với bài kiểm tra phần tự luận.

- Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan:

+ Mỗi câu hỏi đưa ra 4 phương án trả lời.

+ Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;

+ Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

+ Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi phải đơn nghĩa, trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;

+ Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;

+ Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;

+ Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;

+ Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;

+ Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;

+ Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;

+ Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, không nên hỏi đúng nhất, chính xác nhất;

+ Hạn chế đưa ra phương án “*Tất cả các đáp án trên đều đúng*” hoặc “*không có phương án nào đúng*”.

- Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận:

+ Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;

+ Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

+ Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;

+ Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;

+ Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;

+ Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;

+ Yêu cầu học sinh phải hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin;

**4. Soạn đề kiểm tra**

- Mỗi môn ra đề gồm 03 (đề A; đề B) có lượng kiến thức tương đương nhau (không ra 2 đề trùng nhau rồi đổi vị trí câu), theo ma trận quy định.



- Đề Kiểm tra bao gồm ma trận, đề KT, đáp án, biểu điểm (GV gắn biểu điểm chấm phân môn Chính tả, TLV vào).

- Bám sát định hướng theo CV hướng dẫn của PGD; GV ra đề lưu ý bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng của lớp học (lớp 5), yêu cầu cần đạt (lớp 1,2,3,4) theo đúng ma trận đề, theo 4 mức độ theo TT22 với lớp 5; ra đề theo 3 mức độ với lớp 1,2,3,4. Nếu đ/c nào ra đề không đúng ma trận Tổ chuyên môn sẽ gửi trả lại và phải ra lại đề để đảm bảo theo ma trận.

- Đề ra sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, riêng lớp 1 cỡ chữ 14 phông chữ VNI-Avo.

***- Thời gian nộp đề: GV ra đề nộp cho TTCM và TPCM rà soát vào ngày 25/4/2024; chuyển cho HT chậm nhất đến hết ngày 27/4/2024.***

Tổ trưởng chuyên môn và giáo vụ nhận đề kiểm tra đã được BGH duyệt đề soạn đề kiểm tra, bảo mật và niêm phong đề kiểm tra ngay sau khi hoàn tất việc soạn đề.

## **5. Công tác triển khai kiểm tra**

### **a. Danh sách các phòng kiểm tra cuối học kì II**

- Học sinh sẽ thực hiện bài kiểm tra theo đơn vị lớp.

### **b. Công tác phân công giám thị coi kiểm tra**

- Giám thị làm công tác coi kiểm tra theo Quyết định, nhận đề do nhà trường phát trước 10 phút. Đúng giờ phát đề cho học sinh, hướng dẫn cho học sinh ghi họ tên lớp và thực hiện công tác thu bài đúng quy định.

- Trong quá trình coi kiểm tra, giáo viên phải thực hiện nghiêm túc các quy định, lời lẽ ân cần, nhắc nhở học sinh nhẹ nhàng, không gây căng thẳng, không lớn tiếng hay dọa nạt các em. Giáo viên tuyệt đối không được giải bài, làm bài cho học sinh chép, không được sử dụng điện thoại và không làm việc riêng trong lúc coi kiểm tra.

- Đối với các trường hợp gặp sự cố không thể làm bài kiểm tra. GVCN phải thông báo cho Hội đồng thi để tổ chức kiểm tra lại bằng đề dự phòng.

### **c. Lưu ý đối với học sinh**

- Vào phòng thi đúng thời gian quy định. Chuẩn bị sẵn đầy đủ dụng cụ học tập, giấy nháp.

- Thực hiện các quy trình làm bài kiểm tra theo hướng dẫn của giáo viên coi kiểm tra.

- Phải nộp bài đúng thời gian quy định, không sao chép nhìn bài của bạn.

- Nếu gặp sự vấn đề về sức khỏe không thể làm bài kiểm tra phải thông báo cho giáo viên.

### **d. Chấm bài kiểm tra:**

Tổ chuyên môn thống nhất và hướng dẫn giáo viên chấm bài. Tổ chức chấm chéo các bài kiểm tra.

Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại thông tư số 30/2014/TTBGDDĐT, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT, Thông tư 27/2020/TT-BGD&ĐT.

Lập biên bản xử lý trường hợp chấm bài sai đáp án đã triển khai.

Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế của học sinh thật tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng, rèn luyện cho các em.

**Cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt như sau: (Theo quy định tại Công văn 3287)**

- Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kĩ năng: kĩ năng đọc và kĩ năng Viết.

- Điểm kiểm tra cho từng kĩ năng Đọc và Viết là tổng điểm của các nội dung trong từng kĩ năng và không được làm tròn. Ví dụ: Đọc hiểu 5 điểm, Đọc tiếng 3,5 điểm ➔ Điểm kĩ năng đọc là 8,5 điểm.

- Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là trung bình cộng điểm của 2 kĩ năng đọc và viết quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1. Ví dụ: điểm kiểm tra của 2 kĩ năng Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9.5 làm tròn số thành 10).

- Cách tính điểm cho từng nội dung của mỗi kĩ năng ở từng lớp vẫn thực hiện như quy định trước đây.

**Cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Toán:** Phần cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân.

Bài kiểm tra được trả lại cho học sinh theo quy định tại công văn số 4056/GDDT ngày 23/11/2016 của Sở giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo. Cũng theo điều 19, khoản 1, điểm c của Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT giáo viên cần thông báo riêng cho cha mẹ học sinh về kết quả đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của mỗi học sinh, không công bố kết quả của từng học sinh trước lớp và không so sánh học sinh này với học sinh khác.

Chấm chính xác theo đáp án biểu điểm và có lời nhận xét ghi nhận sự tiến bộ của học sinh hoặc những điểm cần cố gắng, không dùng những từ ngữ gây tổn thương cho học sinh, không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác.

Giáo viên phải trả lời, giải thích đầy đủ, rõ ràng cho cha mẹ học sinh và học sinh nếu có thắc mắc hoặc khiếu nại về kết quả và điểm số, tránh để xảy ra các trường hợp khiếu nại vượt cấp.

#### **6. Lịch kiểm tra:**

Lịch kiểm tra sẽ được niêm yết với giáo viên, phụ huynh và học sinh trước khi kiểm tra 1 tuần.

#### **• KHỐI 1,2,3,4**

Thứ/Ngày	Buổi	Lớp	Môn kiểm tra	Thời gian	Giáo viên coi KT
Thứ Hai 6/5/2024	Chiều	- Khối 3,4	Công nghệ	13h30-14h5	- Theo phân công

Thứ Ba 7/5/2024	Sáng	- Khối 1,2,3,4	- Tiếng Việt (đọc hiểu, viết)	- 7h30-8h5 -8h15-9h10	- Theo phân công
Thứ Tư 8/5/2024	Sáng	- Khối 1,2,3,4	- Toán - Tiếng Việt (đọc thành tiếng)	- 7h30 – 8h5 - 8h20- 9h15	- Theo phân công
Thứ Năm 9/5/2024	Sáng	- Khối 3 - Khối 4	- Tiếng Anh - Tiếng Anh	- 7h30-8h5 - 8h15- 8h50	- Theo phân công
	Chiều	Khối 1 Khối 2	- Tiếng Anh - Tiếng Anh	13h30 – 14h5 14h15- 14h50	- Theo phân công
Thứ sáu 10/5/2024	Sáng	- Khối 4,	- Lịch sử và Địa lí	- 7h30- 8h5	- Theo phân công
Thứ 2 13/5/2024	Chiều	- Khối 4	- Khoa học	13h30 – 14h5	- Theo phân công

• **KHỐI 5**

Thứ/Ngày	Buổi	Môn kiểm tra	Thời gian	Giáo viên coi KT
Thứ Năm 9/5/2024	Sáng	- Tiếng Anh	- 8h55-9h30	- Theo phân công
Thứ Sáu 10/5/2024	Sáng	- Lịch sử và Địa lí	- 7h30-8h5 8h15-9h10	- Theo phân công
Thứ 2 13/5/2024	Chiều	- Khoa học	13h30 – 14h5	- Theo phân công
Thứ Ba 14/5/2024	Sáng	- Tiếng Việt (đọc hiểu, viết)	- 7h30-8h5 -8h15-9h10	- Theo phân công
Thứ Tư 15/5/2024	Sáng	- Toán	- 7h30 – 8h5	- Theo phân công
	Chiều	- Tiếng Việt (đọc thành tiếng)	13h30-14h40	- Theo phân công

- Môn Tiếng Anh (nói) : Kiểm tra từ ngày 22/4/2024 đến hết ngày 15/5/2024 (GV bộ môn Tiếng Anh chủ động kiểm tra theo Thời khóa biểu)

- Tin học : Kiểm tra từ ngày 3/5/2024 đến hết ngày 15/5/2024 (GV bộ môn Tin học chủ động kiểm tra theo Thời khóa biểu)

### **7. Thống kê kết quả và đánh giá chất lượng:**

Chuẩn bị các biểu mẫu cho giáo viên chủ nhiệm và tổ trưởng chuyên môn. Tổ chức thống kê kết quả và đánh giá chất lượng học sinh.

Sau khi hoàn thành chấm bài giáo viên thực hiện trả bài, lưu hồ sơ đúng quy định.

**Giáo viên có nhiệm vụ nhập điểm, nhận xét đánh giá trên VNEDU. Hạn chót: 19/5/2024.**

### **8. Tự kiểm tra, giám sát và nghiệm thu chất lượng dạy và học:**

Thành lập tổ kiểm tra giám sát kỳ kiểm tra cuối học kỳ II. Việc kiểm tra được tiến hành từ khâu bảo quản đề, coi kiểm tra, chấm kiểm tra cũng như xử lý các trường hợp sai phạm.

Tiến hành lưu trữ các hồ sơ có liên quan đến kỳ kiểm tra cũng như việc rút kinh nghiệm trong việc tổ chức kiểm tra.

## **III. Tổ chức thực hiện**

### **1. Ban lãnh đạo nhà trường**

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II.
- Thành lập hội đồng kiểm tra, ban hành các quyết định liên quan đến kỳ kiểm tra.
- Tổ chức kỳ kiểm tra theo kế hoạch, đúng quy định đạt hiệu quả.

### **2. Tổ trưởng chuyên môn**

- Chỉ đạo họp tổ chuyên môn, triển khai kế hoạch.
- Tổ chức ôn tập cho học sinh hiệu quả.
- Xây dựng ma trận thống nhất trong toàn trường, duyệt đề kiểm tra trước khi nộp ban giám hiệu.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung báo cáo theo chỉ đạo.

### **3. Đối với giáo viên**

- Phổ biến kế hoạch kiểm tra cuối học kỳ II chi tiết tới học sinh và phụ huynh học sinh lớp mình phụ trách.
- Tham gia công tác kiểm tra đánh giá học sinh theo kế hoạch và các nội dung chỉ đạo của ban giám hiệu.

### **4. Đối với học sinh**

- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo yêu cầu, hướng dẫn của giáo viên.
- Được hướng dẫn ôn tập kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm bài kiểm tra đạt hiệu quả cao nhất.

#### **• Một số điểm cần lưu ý:**

- Sau kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II, GV tổ chức nghiệm thu, lấy kết quả kiểm tra để xét lên lớp và lập danh sách học sinh “Chưa hoàn thành” môn học, “Cần cố gắng”, “Chưa đạt” về năng lực và phẩm chất đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức ôn tập cho học sinh kiểm tra lại trong hè (nếu có).

- Trong các ngày kiểm tra, yêu cầu GV có mặt đúng giờ tại phòng hội đồng thi: Buổi sáng 7h có mặt; Buổi chiều 13h15 có mặt.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhằm đảm bảo việc tổ chức kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II năm học 2023 – 2024 đạt kết quả tốt của Tổ Tiểu học trên tinh thần thực hiện tốt cuộc vận động “hai không” và 4 nội dung với phương châm “dạy thật, học thật, thi thật và chất lượng thật”. Đề nghị toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường thực hiện việc kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II nhẹ nhàng, nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc trao đổi trực tiếp với Tổ trưởng chuyên môn hoặc Ban lãnh đạo nhà trường để có hướng giải quyết kịp thời./.

**HIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Phòng GDĐT (để b/c);
- TTCM;
- Lưu: VT.

**Tưởng Nguyên Sự**